

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

Bản án số: 36/2020/HSST

Ngày: 16/01/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Nguyễn Trung Diễn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 632/2019/HSST ngày 11/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/HSST ngày 02/01/2020 đối với bị cáo:

Lê Duy C, Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 20 tháng 4 năm 2000 tại H.

Nơi đăng ký thường trú: Tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H.

Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Lê Duy T, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1972.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất và chưa có vợ con.

Họ tên anh: Lê Duy T, sinh năm 1998.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án:

Tại Bản án số 29/2019/HS-ST ngày 15/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt bị cáo 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt ngày 02/10/2019 – Có mặt.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1990 - Vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ 35, KP. 2A, phường T, TP. B, tỉnh Đ.
2. Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1991- Vắng mặt.
Địa chỉ: 32/2, KP.6, phường T, TP. B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Duy C là đối tượng đã có tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 01/10/2019, C đi bộ một mình đến Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 thuộc Khu phố 7, phường T, thành phố B để tìm tài sản trộm cắp. Tại đây, C đi vào phòng trực của Khoa chữa bệnh tâm thần người cao tuổi lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philip của anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1990 và 01 chiếc túi xách bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe của chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1991 đều là nhân viên điều dưỡng đang trực thì bị chị T phát hiện tri hô nên C bỏ chạy. Lúc này anh H và anh Lâm Hoàng D, sinh năm 1988 là hộ lý của Khoa chữa bệnh đã đuổi theo bắt giữ được C giao cho Công an phường T, thành phố B lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra xử lý. Quá trình làm việc, C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Philip màu đen, số IMEI1: 861277035267089; 01 chiếc túi xách bằng da màu trắng sữa; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Phương T là những tài sản bị trộm cắp đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu hồi trả lại cho người bị hại là anh Nguyễn Hữu H và chị Nguyễn Thị Phương T.

Tại kết luận định giá tài sản số 449/TCKH-HĐĐG ngày 03/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố B kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Philip màu đen, số IMEI1: 861277035267089 và 01 chiếc túi xách bằng da có tổng trị giá là 691.000 đồng (Sáu trăm chín mươi một nghìn đồng).

Về dân sự: Anh Nguyễn Hữu H và chị Nguyễn Thị Phương T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 603/CT-VKSBH ngày 26/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố bị cáo Lê Duy C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị

Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Duy C mức án: Từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an TP. B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận do muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 01 giờ 15 phút ngày 01/10/2019, tại phòng trực của Khoa chữa bệnh tâm thần người cao tuổi Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 thuộc Khu phố 7, phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đ, bị đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philip của anh Nguyễn Hữu H và 01 chiếc túi xách bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe của chị Nguyễn Thị Phương T có tổng trị giá tài sản là 691.000 đồng thì bị bắt giữ điều tra xử lý.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ.

Do bị cáo có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên tuy tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 691.000 đồng nhưng hành vi của bị cáo Lê Duy C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự an xã hội tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Cũng với hành vi tương tự, bản thân bị cáo đã bị kết án nhưng không chịu lấy đó làm bài học để sửa chữa, rèn luyện bản thân lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa

bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Duy C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Duy C 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2019.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự CATP.B;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo – Bị hại;
- Lưu.

Bùi Lan Hương

